TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc:*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hà Văn D, sinh năm 1986,

ĐKHKTT: khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Chị Trần Thị Q, sinh năm 1986,

ĐKHKTT: khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Ngọc V, sinh năm 1963,

ĐKHKTT: khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh P.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 28/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng. Sau khi kết hôn anh Dquay trở lại Hàn Quốc sinh sống và làm việc còn chị Q ở lại Việt Nam. Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị luôn hạnh phúc, hòa thuận. Từ năm 2020 đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tình

cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Nhật N, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Hà Nhật A, sinh ngày 16/12/2018. Khi ly hôn, anh Dvà chị Q thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh Dchăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh Dđang ở nước ngoài nên anh chị thống nhất thoả thuận tạm giao 02 cháu Nam và cháu Anh cho ông Hà Ngọc V (bố đẻ anh Dũng) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Dtrở về Việt Nam. Về vấn đề cấp dưỡng: anh Dvà chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Hà Ngọc V trình bày: ông là bố đẻ của anh Hà Văn D. Về việc anh Dvà chị Q ly hôn ông hoàn toàn nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của anh chị. Ông V đồng ý sẽ thay mặt anh Dchăm sóc, nuôi dưỡng cháu 02 cháu Nam và cháu Anh trong thời gian anh Dở nước ngoài cho đến khi anh Dvề nước. Ông V cũng cam kết sẽ tạo mọi điều kiện để các con chung của anh Dvà chị Q được chăm sóc tốt nhất. Ông V không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh Dvà chị Q trong thời gian ông nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung của anh chị.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh Dvà chị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Dvà chị Q thống nhất chị Q sẽ chịu toàn bộ.

Anh Dũng, chị Q, ông Viễn đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q.

Về con chung: giao con chung là cháu Hà Nhật N, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Hà Nhật A, sinh ngày 16/12/2018 cho anh Hà Văn D trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Dở nước ngoài tạm giao cho ông Hà Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Nhật N và cháu Hà Nhật A cho đến khi anh Dvề nước. Về vấn đề cấp dưỡng anh Dũng, chị Q tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Trần Thị Q chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Tòa án nhân dân tỉnh P nhận định:

Hồ sơ thể hiện anh Hà Văn D hiện nay đang ở nước ngoài. Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 01/02/2024 của anh Dgửi về Việt Nam đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc chứng nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh Dvà chị Q thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q có 02 con chung là cháu Hà Nhật N, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Hà Nhật A, sinh ngày 16/12/2018. Sau khi ly hôn anh Dvà chị Q thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh Dchăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh Dđang ở nước ngoài nên anh chị thống nhất thoả thuận tạm giao 02 cháu N và cháu A cho ông Hà Ngọc V (bố đẻ anh D) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Dtrở về Việt Nam. Xét thấy hiện nay anh Dđang ở nước ngoài, anh Dvà chị Q đều đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung. Ông V cũng hoàn toàn nhất trí sẽ thay mặt anh Dchăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của anh Dvà chị Q trong thời gian anh Dở nước ngoài. Do vậy, thỏa thuận giữa anh D, chị Q và ông V về con chung phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng: anh Dvà chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh Dvà chị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Q sẽ chịu toàn bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và

Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh Hà Văn D và chị Trần Thị Q. Giao cháu Hà Nhật N, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Hà Nhật A, sinh ngày 16/12/2018 cho anh Hà Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Dở nước ngoài tạm giao cho ông Hà Ngọc V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Nhật N và cháu Hà Nhật A cho đến khi anh Dvề nước.

Chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng: anh Dvà chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh Dvà chị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Trần Thị Q đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000294 ngày 04/5/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc Tuấn